

Số: /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
**Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 259/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ chín, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Có Phụ lục kèm theo Nghị quyết)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 1 Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn).

3. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án		Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 ngày 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
2	Họp Hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400.000	Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hằng năm
b)	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200.000	
c)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	
d)	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	300.000	
đ)	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200.000	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400.000	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát			
a)	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500.000	
b)	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
b1)	Đối với cá nhân			
b1.1)	Từ 30 chỉ tiêu trở xuống	Đồng/phiếu	30.000	
b1.2)	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	40.000	
b1.3)	Trên 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	50.000	
b2)	Đối với tổ chức			
b2.1)	Từ 30 chỉ tiêu trở xuống	Đồng/phiếu	60.000	
b2.2)	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	70.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Ghi chú
b2.3)	Trên 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	80.000	
c)	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày	Mức tiền công 01 người/ngày bằng 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
d)	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100.000	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
đ)	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	200.000	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ			
a)	Nhiệm vụ	Báo cáo	3.500.000	
b)	Dự án	Báo cáo	12.000.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	600.000	
b)	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	500.000	
c)	Ủy viên, thư ký Hội đồng	Người/buổi	250.000	
d)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Ghi chú
d)	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	400.000	
e)	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	300.000	
g)	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400.000	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			
a)	Người chủ trì	Người/buổi	400.000	
b)	Thư ký Hội thảo	Người/buổi	200.000	
c)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	
d)	Báo cáo tham luận	Bài viết	300.000	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
a)	Nghiệm thu nhiệm vụ			
a1)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400.000	
a2)	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200.000	
b)	Nghiệm thu dự án			
b1)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	600.000	
b2)	Thành viên, thư ký Hội đồng	Người/buổi	300.000	
b3)	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	400.000	
b4)	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	300.000	
b5)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 (một phẩy năm) lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
10	Chi giải thưởng môi trường			
a)	Tổ chức			
a1)	Giải nhất	Giải	8.000.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Ghi chú
a2)	Giải nhì	Giải	5.000.000	
a3)	Giải ba	Giải	3.000.000	
a4)	Giải khuyến khích	Giải	2.000.000	
b)	Cá nhân			
b1)	Giải nhất	Giải	5.000.000	
b2)	Giải nhì	Giải	3.000.000	
b3)	Giải ba	Giải	2.000.000	
b4)	Giải khuyến khích	Giải	1.000.000	

Những mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành./.